

Bản án số: 90/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-6-2025

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Trường Chinh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Chinh**.

2. Bà **Võ Thị Diệp**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **33/2025/TLST-HNGĐ**, ngày **11** tháng **02** năm 2025 về việc: “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 247/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Diệu P** - sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp BPL, xã BT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Trần Ngọc N** - sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp BPL, xã BT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2024 và lời trình bày tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Diệu P trình bày như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Diệu P và anh Trần Ngọc N qua thời gian tìm hiểu đã tiến đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 138/2015 ngày 01/10/2015. Trong khoảng thời gian chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mặc dù vợ chồng đã cố gắng dung hòa nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh Trần Ngọc N.

- Về con chung: Chị P xác định vợ chồng có 01 con chung tên Trần Lê M - sinh ngày 08/01/2016, hiện nay con chung đang sống cùng với chị P. Khi ly hôn,

chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

\* Đối với bị đơn là anh Trần Ngọc N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm Bản sao trích lục kết hôn và Bản sao Giấy khai sinh con chung; Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn, nuôi con chung và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Trần Ngọc N hiện đang cư trú ở xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị Lê Diệu P có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án: Chị Lê Diệu P yêu cầu được ly hôn với anh Trần Ngọc N và yêu cầu giải quyết về con chung; Hội đồng xét xử nhận định:

[5] Căn cứ Bản sao Trích lục kết hôn số 902/TLKH-BS, ngày 29/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã thể hiện chị Lê Diệu P và anh Trần Ngọc N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 01/10/2015, như vậy đã có đủ cơ sở xác định mối quan hệ hôn nhân của chị P và anh N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên các đương sự đoàn tụ gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, chị P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng cũng không còn, không thể đoàn tụ được; do đó, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh N. Đối với bị đơn anh Trần Ngọc N đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa sơ thẩm nhưng anh N không tham dự, chứng tỏ anh N đã bỏ mặc và không còn quan tâm đến quyền và nghĩa vụ của mình trong mối quan hệ với chị P.

[7] Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh N có tồn tại mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị P về việc xin ly hôn với anh N là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Về con chung:

[8.1] Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị P và anh N có một con chung tên Trần Lê M - sinh ngày 08/01/2016, hiện nay con chung đang sống cùng với chị P. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[8.2] Căn cứ vào văn bản ý kiến ngày 02/01/2025 của con chung Trần Lê Minh Nhựt, cháu Nhựt có nguyện vọng được sống cùng với chị P trong trường hợp chị P và anh N ly hôn.

[8.3] Xét thấy việc quyết định giao con chung cho bên nào được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy con chung đang sinh sống cùng với chị P, cuộc sống của cháu đang ổn định, có đủ điều kiện để phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp nên chấp nhận.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con; do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện cũng như lời trình bày tại Tòa án, chị Lê Diệu P yêu cầu trực tiếp nuôi con nhưng chị xác định không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Diệu P xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị Lê Diệu P phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Diệu P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Diệu P được ly hôn với anh Trần Ngọc N.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Lê M - sinh ngày 08/01/2016 cho chị Lê Diệu P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Diệu P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001945 ngày 10/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị Lê Diệu P đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Đương sự;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trương Trường Chinh**